

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 337/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2024
“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Ông Trần Văn Chánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:* Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 682/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 371/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977.

HKTT: tổ 4, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: đường H, khu phố 5, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: tổ 4, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông L có đơn xin vắng mặt, bà V vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ngô Thị V kết hôn vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, hai vợ chồng không hòa thuận, luôn xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến tháng 01/2024, hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị V.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/01/2003 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 19/9/2005. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Ngô Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh L kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn. Hai vợ chồng hiện đang sống ly thân nguyên nhân do ông L có người phụ nữ khác. Nay ông L xin ly hôn thì bà không đồng ý do bà muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/01/2003 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 19/9/2005. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh L. Ông L được ly hôn với bà Ngô Thị V.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/01/2003 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 19/9/2005. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: ông L phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Ngô Thị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh L và bà Ngô Thị V tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của ông L, bà V là hợp pháp. Nay ông L xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông L:

Ông L xin ly hôn với bà V với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Bà V trình bày hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng hiện đang sống ly thân nguyên nhân do ông L có người phụ nữ khác. Nay ông L xin ly hôn thì bà không đồng ý do bà muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

Xét thấy, Tòa án đã xác minh về mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Nguyễn Thanh L và bà Ngô Thị V khi ông bà sống chung tại phường T, thành phố B. Đại diện chính quyền địa phương cho biết ông L, bà V chung sống có mâu thuẫn hay không địa phương không biết do các đương sự không báo chính quyền địa

phương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa ông L và bà V, yêu cầu bà V cung cấp chứng cứ chứng minh việc ông L có người phụ nữ khác nhưng bà V nhiều lần vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy bà V đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình.

Do đó, mâu thuẫn giữa ông L và bà V là có thật, ông L, bà V đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Thanh L được ly hôn bà Ngô Thị V.

[4] Về con chung: Ông L, bà V có 02 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/01/2003 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 19/9/2005. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông L, bà V khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông L, bà V khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 54, 56, 57, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh L. Ông Nguyễn Thanh L được ly hôn với bà Ngô Thị V.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/01/2003 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 19/9/2005. Con chung đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 02800 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Biên Hòa (2);
- THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (4);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy